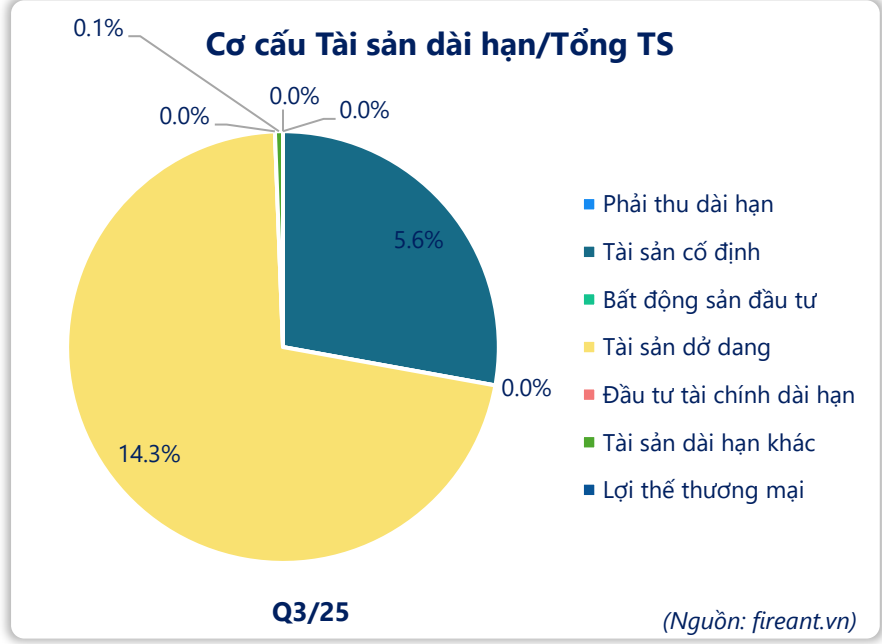
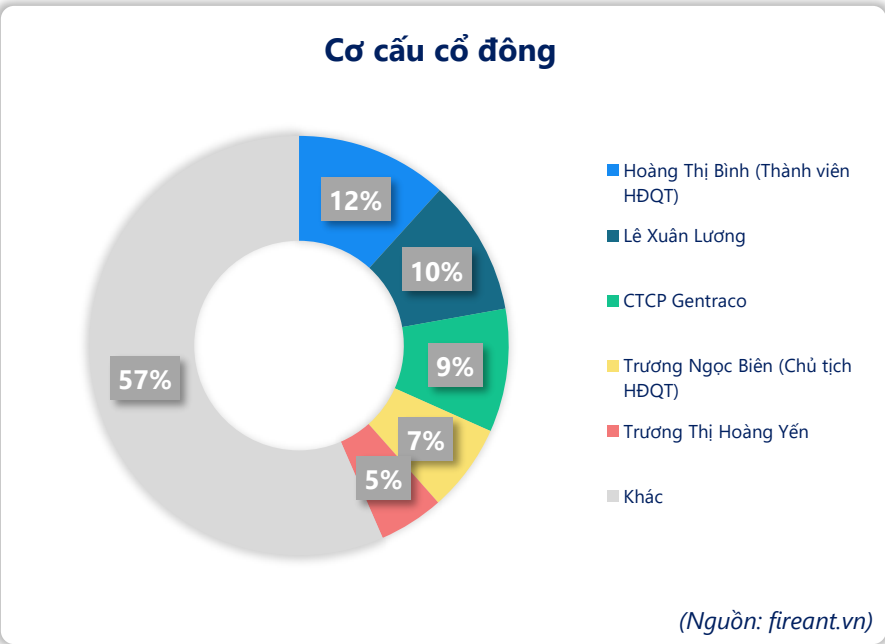
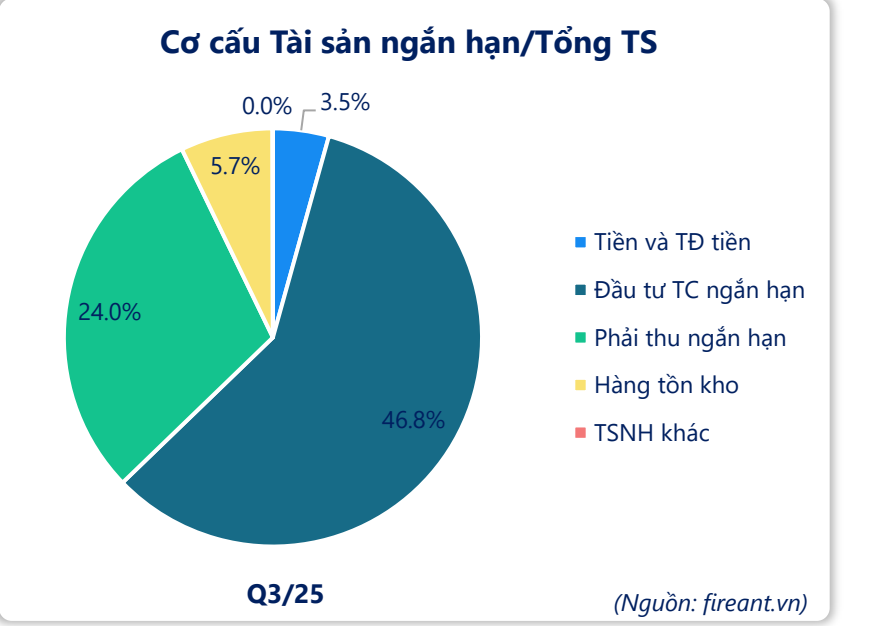
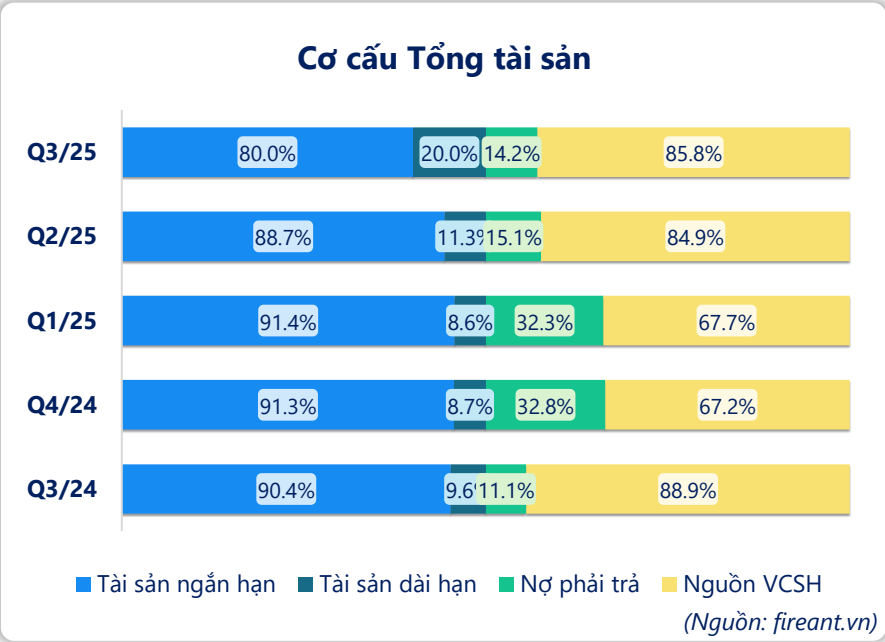
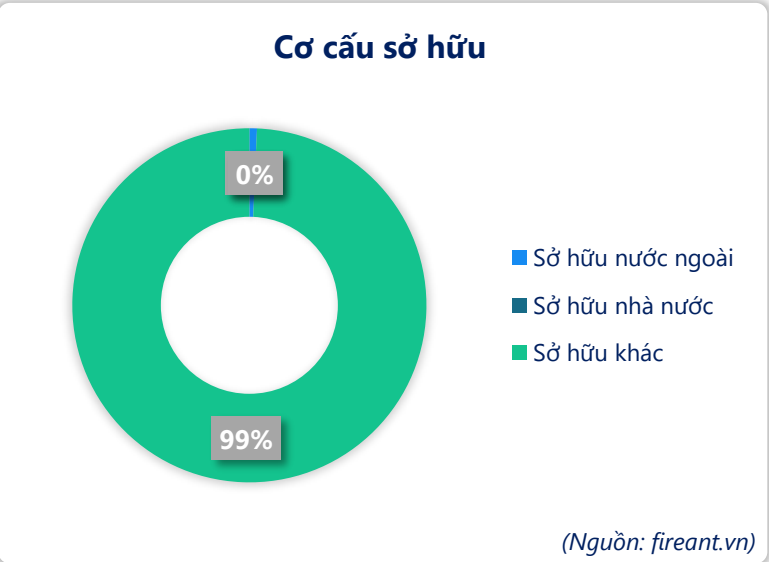
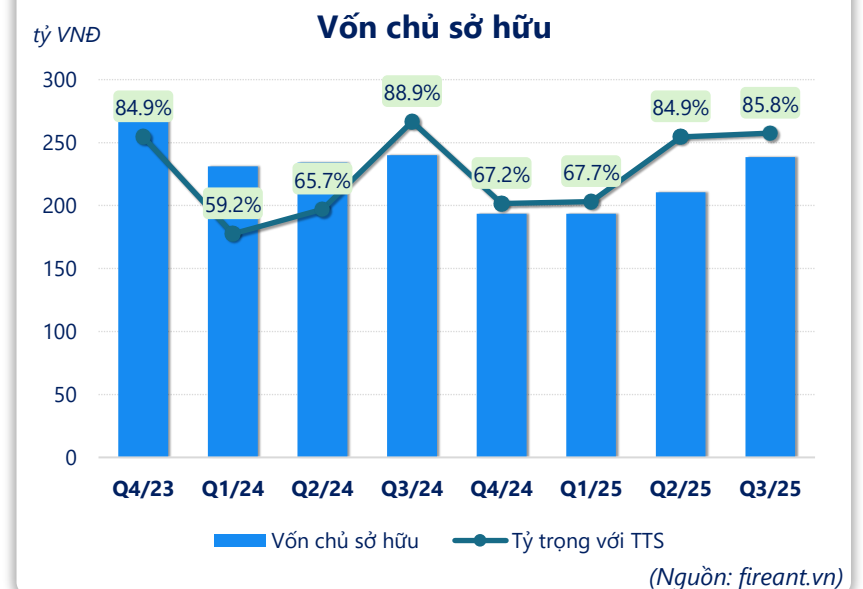
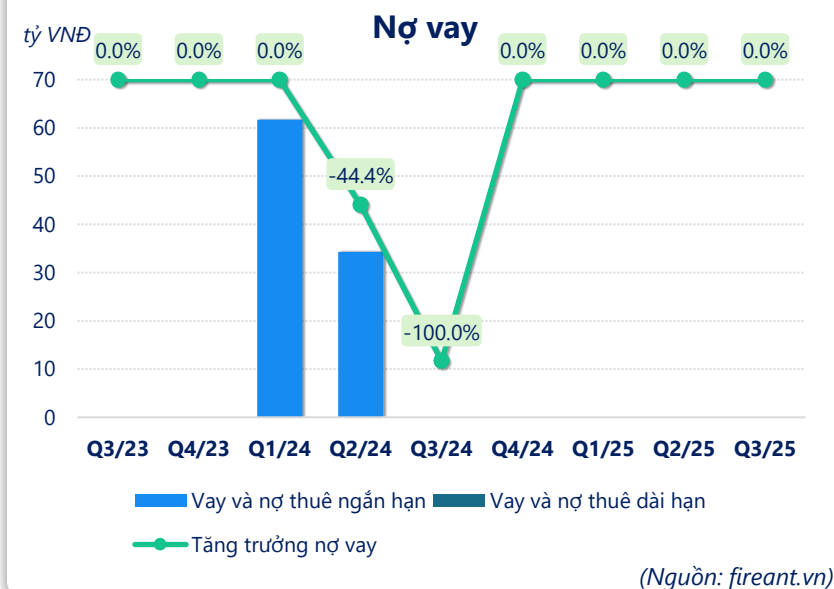
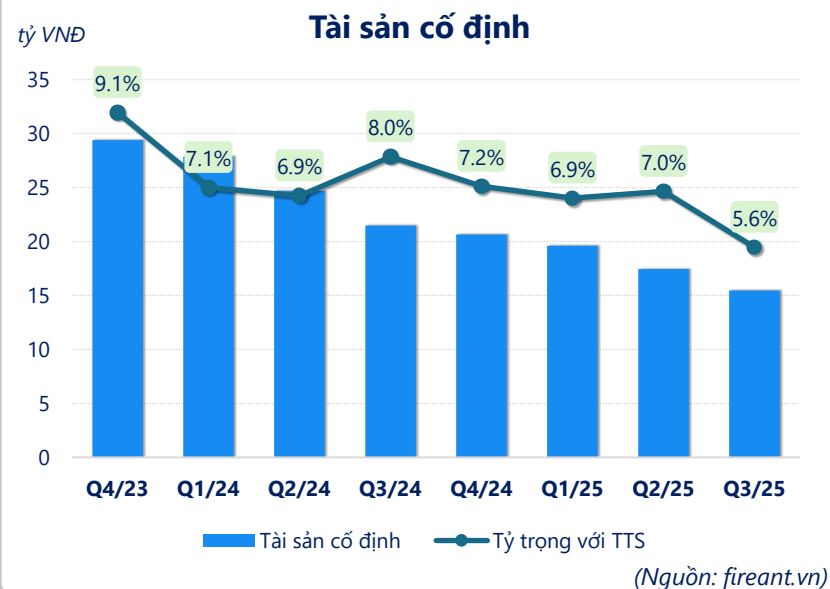
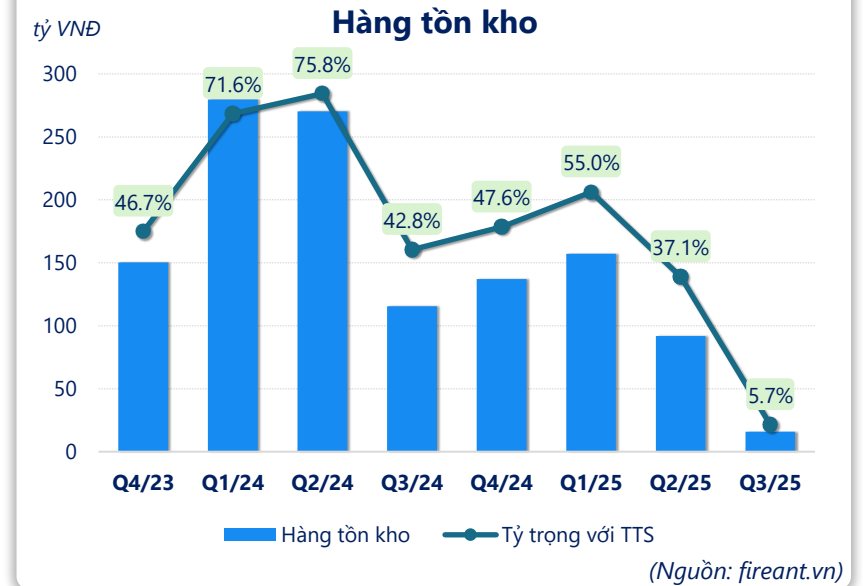
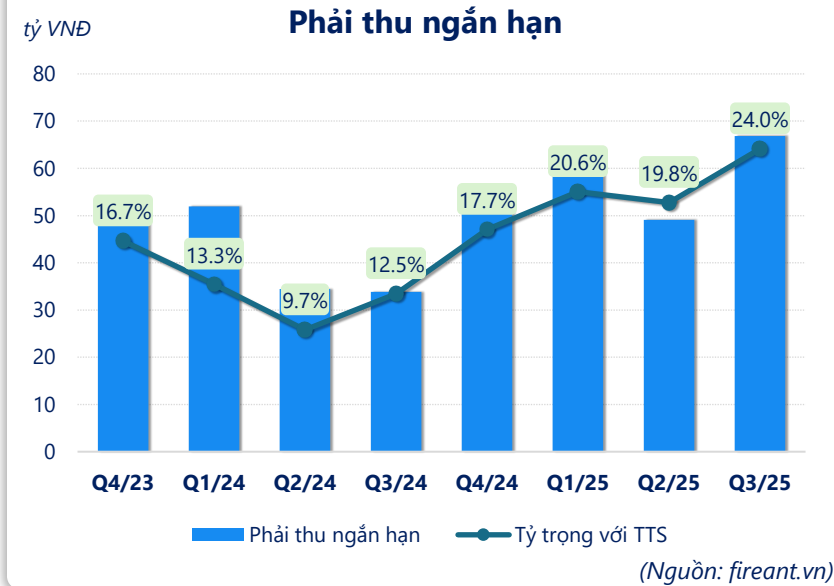
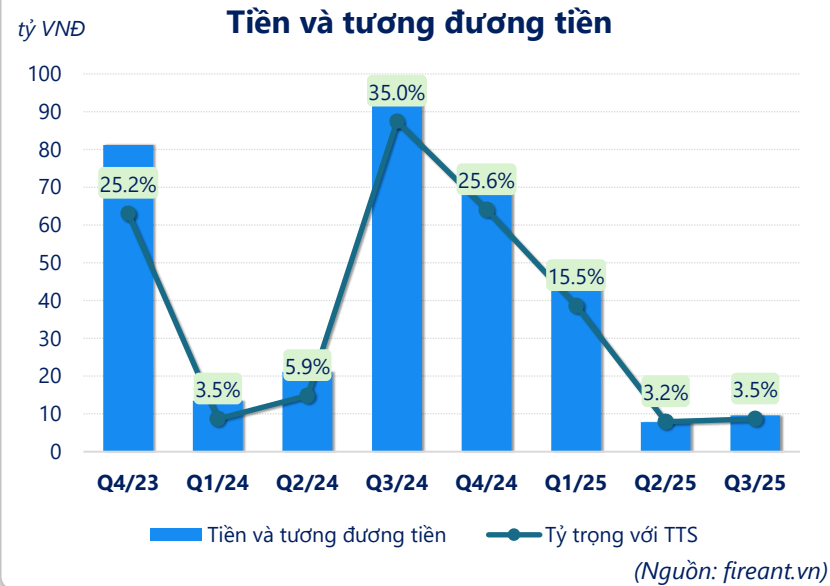
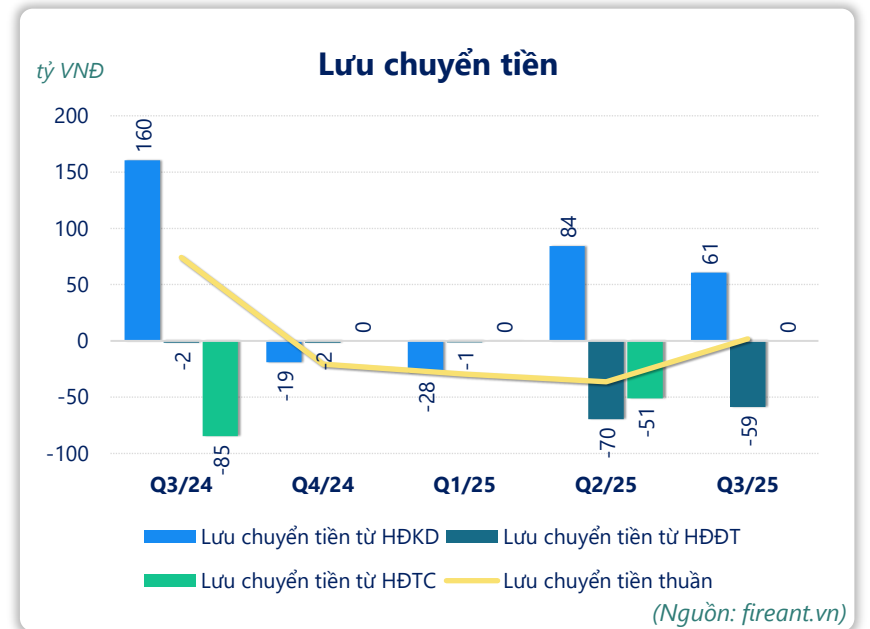
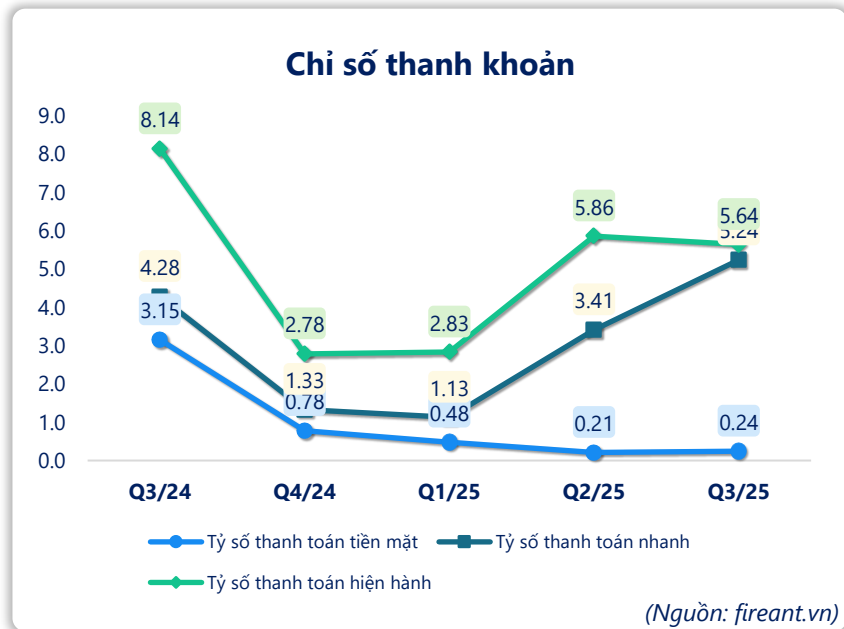
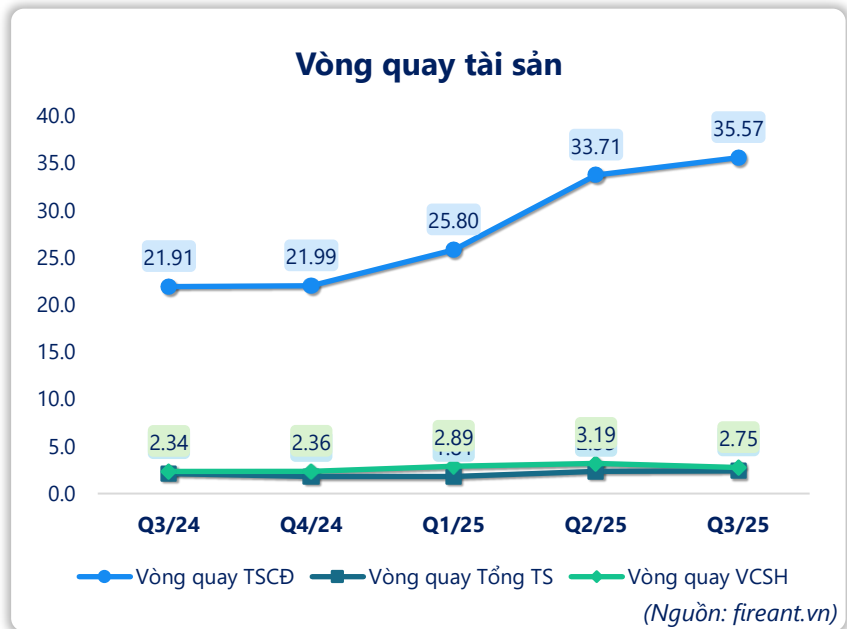
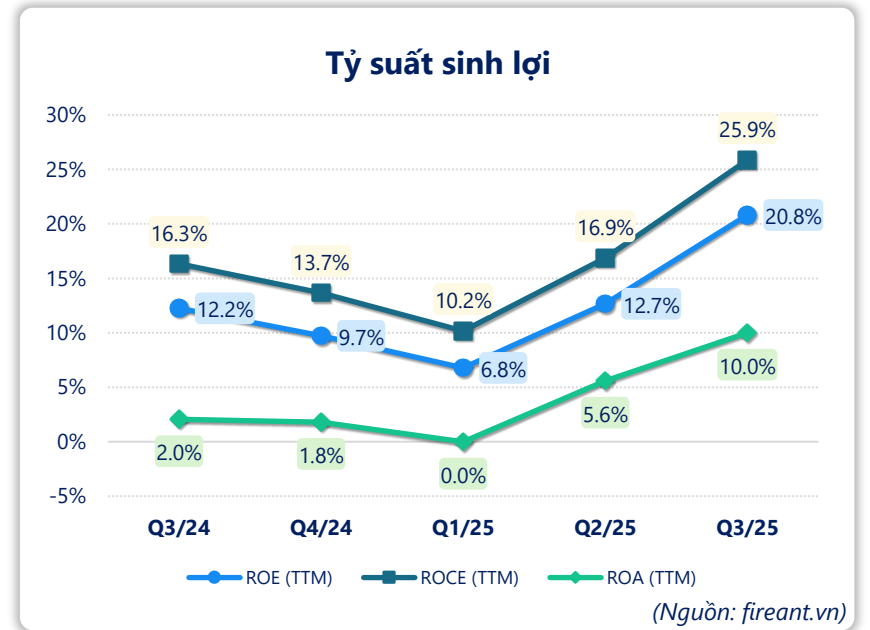
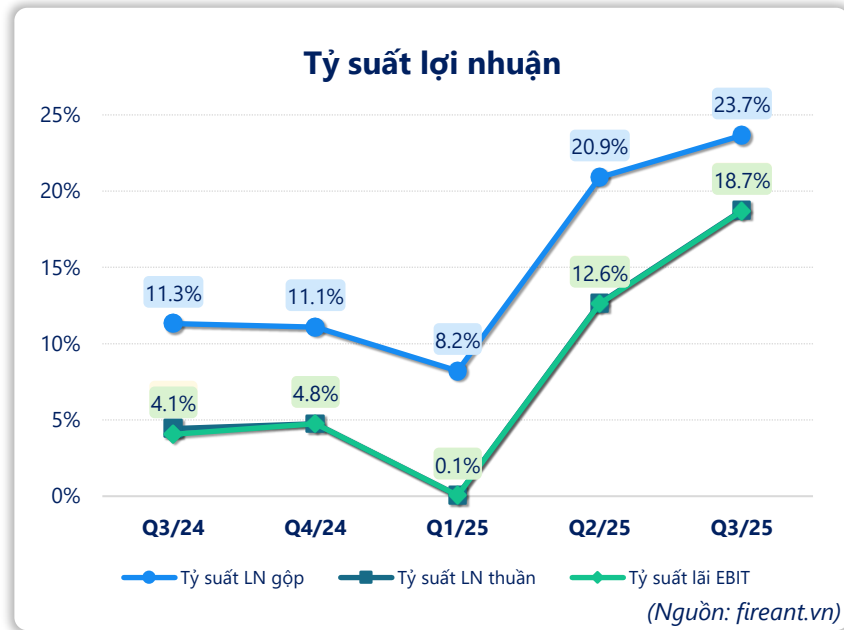
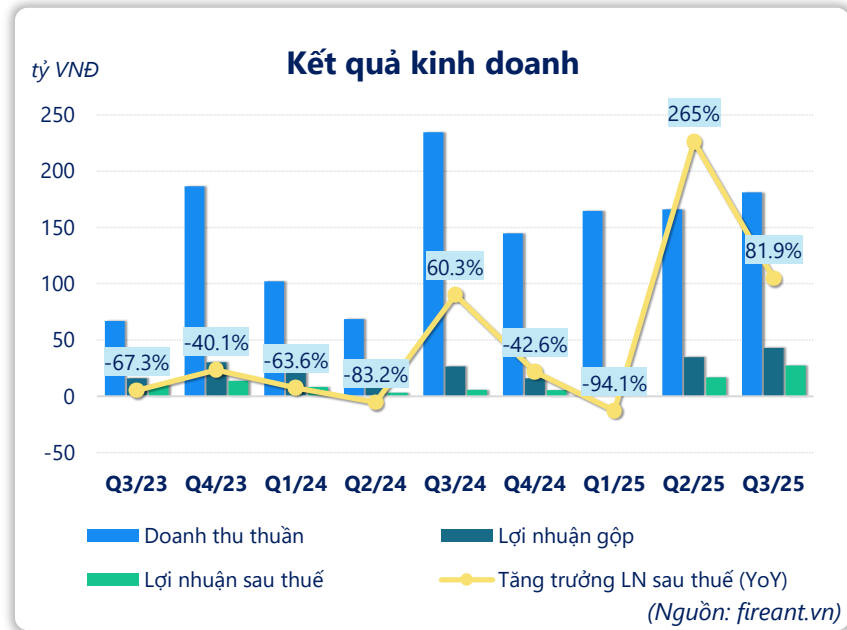


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		45,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,353
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,300
SL cổ phiếu LH		15,269,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)		29,525
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		687
P/E		13.8
EPS		3,260

	YTD	1T	3T	6T
CAP	11.0%	18.1%	18.4%	14.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	278	288	-3.5%
Tài sản ngắn hạn	222	263	-15.4%
Tiền và tương đương tiền	9.61	73.8	-87.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130	0	
Phải thu ngắn hạn	66.8	50.8	31.5%
Hàng tồn kho	15.9	137	-88.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.07	1.33	-94.6%
Tài sản dài hạn	55.5	25.1	121%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.5	20.7	-25.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.7	3.71	969%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.33	0.70	-53.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	39.5	94.5	-58.2%
Nợ ngắn hạn	39.4	94.4	-58.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.7	22.5	-25.6%
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	238	194	23.2%
Vốn chủ sở hữu	238	194	23.2%
Vốn điều lệ	153	153	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	235	145	165	166	181
Giá vốn hàng bán	208	129	151	131	138
Lợi nhuận gộp	26.5	16.1	13.5	34.7	42.9
Doanh thu HĐTC	0.59	3.80	1.58	2.32	2.76
Chi phí TC	2.19	0.07	0.24	0.20	0.02
Chi phí lãi vay	0.18	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.4	6.71	7.72	9.02	7.04
Chi phí QLDN	4.08	6.20	7.05	6.80	4.61
LN thuần từ HĐKD	10.4	6.89	0.09	21.0	34.0
Lợi nhuận khác	-1.07	0.00	0.00	-0.04	-0.06
LN trước thuế	9.35	6.88	0.09	21.0	33.9
Lợi nhuận sau thuế	5.76	5.51	-0.02	16.9	27.4
LNST của CĐ cty mẹ	5.76	5.51	-0.02	16.9	27.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	160	-19.0	-28.3	84.3	60.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.62	-1.68	-1.35	-69.6	-58.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-84.5	0	0.06	-51.0	0
Tiền đầu kỳ	21.1	94.5	73.8	44.2	7.87
Lưu chuyển tiền thuần	74.2	-20.7	-29.6	-36.3	1.76
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.83	0.02	-0.01	0.00	-0.02
Tiền cuối kỳ	94.5	73.8	44.2	7.87	9.61

(Nguồn: fireant.vn)